

Số: 38/QĐ-THCSXS

Đông Triều, ngày 14 tháng 04 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố, công khai số liệu quyết toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ XUÂN SƠN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông báo số 372/TB-PGD&ĐT ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều về việc thẩm định quyết toán ngân sách năm 2021 trường trung học cơ sở Xuân Sơn;

Xét đề nghị của tổ Văn phòng.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán chi ngân sách nhà nước năm 2021 của trường Trung học cơ sở Xuân Sơn (theo biểu chi tiết đính kèm).

Hình thức công khai: Công bố công khai trên trang điện tử của cơ quan

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà): Tổ trưởng tổ văn phòng, các tổ chuyên môn và các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGH nhà trường;
- Công đoàn trường
- Website trường;
- Các tổ CM, VP;
- Lưu: VT, KT trường.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Tuyết Mai

Đơn vị: Trường THCS Xuân Sơn

Chương: 622



QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

(Đính kèm Quyết định số 38/QĐ-THCSXS ngày 14/4/2022 của trường Trung học cơ sở Xuân Sơn)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	113.400.000	113.400.000	0	
I	Số thu phí, lệ phí	113.400.000	113.400.000	0	
1	Lệ phí				
2	Phí				
3	Thu hoạt động sản xuất, Cung ứng dịch vụ	113.400.000	113.400.000		
3.1	Học phí	113.400.000	113.400.000		
3.2	Thu khác				
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại				
1	Chi sự nghiệp				
2	Chi quản lý hành chính				
3	Chi hoạt động sản xuất, Cung ứng dịch vụ	113.400.000	113.400.000		
3.1	Học phí	113.400.000	113.400.000		
3.2	Thu khác				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	3.379.428.600	3.379.428.600		
I	Nguồn ngân sách trong nước	3.379.428.600	3.379.428.600		
1	Chi Quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	3.370.428.600	3.370.428.600		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3.132.180.000	3.132.180.000		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	238.248.600	238.248.600		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi đảm bảo xã hội	9.000.000	9.000.000		
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		-		
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	9.000.000	9.000.000		
6	Chi hoạt động kinh tế				

Đơn vị: Trường THCS Xuân Sơn

Chương: 622



QUYẾT TOÁN THU - CHI CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ NĂM 2021

(Đính kèm Quyết định số 38/QĐ-THCSXS ngày 14/4/2022 của trường Trung học cơ sở Xuân Sơn)

ĐVT: Đồng

Số TT	Nội dung	Kỳ 2 năm học 2020-2021		Kỳ 1 năm học 2021-2022		Tổng cộng	
		Thu	Chi	Thu	Chi	Thu	Chi
1	2	3	4	5	6	7	8
I	Các khoản thu dịch vụ	347.208.000	347.208.000	458.552.740	458.552.740	805.760.740	805.760.740
1	Tiền tin học	44.280.000	44.280.000	22.720.000	22.720.000	67.000.000	67.000.000
2	Tiền nước uống	10.584.000	10.584.000	14.880.000	14.880.000	25.464.000	25.464.000
3	Tiền xe đạp	22.560.000	22.560.000	34.680.000	34.680.000	57.240.000	57.240.000
4	Tiền Kỹ năng sống	12.096.000	12.096.000	26.850.000	26.850.000	38.946.000	38.946.000
5	Tiền dạy thêm học thêm	257.688.000	257.688.000	188.928.000	188.928.000	446.616.000	446.616.000
6	Tiền BHYT học sinh			170.494.740	170.494.740	170.494.740	170.494.740